TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/DS-ST
Ngày: 14/7/2022
Về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu H- ơng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Duy Khương**
2. Bà **Nguyễn Hải Anh**

- ***Th□ ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông **Lâm Sển** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng dân sự mua bán tài sản, đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Đức P**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K.

2. Bị đơn: Ông **Phan Thanh T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị Kim N** (Vợ ông Trần Đức P)

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, ông P có mặt, bà N và ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2021 của nguyên đơn Trần Đức P, bản tự khai của các đương sự, nội dung phiên hoà giải ngày 11/01/2022, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung nh- sau:

*** Nguyên đơn Trần Đức P trình bày:**

Vào năm 2021, ông Phan Thanh Tcó đến cửa hàng vật liệu xây dựng Đức Minh 2 của tôi tại ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K để mua vật liệu xây dựng. Từ ngày 01/4/2021 đến ngày 14/5/2021, tôi đã chuyển giao vật liệu xây dựng theo các đơn hàng mà ông T mua với tổng số tiền là 49.619.000 đồng. Ông T có trả cho tôi được

41.827.000 đồng, còn nợ lại tôi số tiền mua vật liệu xây dựng (gạch) là 7.792.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn đồng).

Ngày 15/5/2021, ông T gọi tôi đến nhà ông T để trả tiền mua vật liệu xây dựng (gạch) cho tôi nên tôi có chạy chiếc xe hiệu Vision mang biển kiểm soát số 68T1-42539 do vợ tôi là bà Lê Thị Kim N đứng tên trên Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028651 đến nhà ông T. Khi tôi đến nhà ông T thì ông T không trả tiền mua vật liệu xây dựng (gạch) còn thiếu cho tôi mà buộc tôi phải bồi thường gạch khác màu cho ông T, tôi không đồng ý thì ông T không cho tôi về và ngang nhiên chiếm giữ chiếc xe hiệu Vision nêu trên và chìa khóa của xe này. Tôi có trình báo Công an xã M nhưng cơ quan này không giải quyết mà hướng dẫn tôi khởi kiện tại Tòa án.

Nay tôi yêu cầu ông Phan Thanh T phải hoàn trả cho tôi số tiền mua vật liệu xây dựng (gạch) còn nợ là 7.792.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn đồng), trả 01 lần. Đồng thời, yêu cầu ông T phải giao trả cho tôi chiếc xe hiệu Vision mang biển kiểm soát số 68T1-42539 do bà Lê Thị Kim N đứng tên trên Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028651 trong thời gian sớm nhất.

*** Bị đơn Phan Thanh T trình bày:**

Tôi có mua gạch tại cửa hàng Đức Minh 2 tại ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K của ông Trần Đức P. Loại gạch tôi mua là gạch men màu trắng tinh nhưng cửa hàng lại giao cho tôi 02 màu gạch khác nhau, lúc dán lên tường hiện rõ 01 màu trắng, 01 màu kem, làm mất thẩm mỹ. Tôi có yêu cầu ông P đến nhà tôi để xử lý sự cố, xong thì tôi sẽ trả cho ông P hết số tiền mua gạch còn lại. Vợ chồng ông P có đến nhà tôi nhưng không giải quyết việc gạch khác màu mà còn đổ lỗi cho nhà máy, hai bên xảy ra cãi vả.

Ngày 15/5/2021, ông P đến nhà tôi đòi tôi trả cho ông P số tiền tôi mua gạch của ông P còn thiếu, tôi không đồng ý mà yêu cầu ông P phải hoàn trả cho tôi đúng số gạch sai màu và tiền thợ thi công, tôi sẽ trả cho ông P số tiền mua gạch mà tôi còn nợ ông P, ông P không đồng ý nên hai bên cãi vả. Ông Lê Văn Thành (Phó BLĐ ấp H) đến, ông P nhận sai nhưng không đồng ý đền cho tôi với lý do ông P không có tiền, ông P bảo tôi lấy xe của ông P, tôi không đồng ý lấy xe của ông P mà yêu cầu ông P hoàn trả cho tôi đúng số gạch sai màu và tiền thợ thi công thì ông P không đồng ý. Tôi yêu cầu là nếu ông P để xe lại thì ông P làm cam kết có ông Lê Văn Thành làm chứng, ông P viết "Tờ cam kết" để lại 01 chiếc xe hiệu Vision mang biển kiểm soát số 68T1-42539 và 01 điện thoại Samsung S8 để làm tin.

Ngày 16/5/2021, ông P đến nhà tôi, tôi có trả cho ông P 01 điện thoại Samsung S8, ông P đòi xin lại "Tờ cam kết" nhưng tôi không đồng ý. Ngày 25/11/2021, tôi yêu cầu ông P đến nhà tôi giải quyết sự việc nhưng ông P chỉ muốn xin lại "Tờ cam kết" mà không giải quyết yêu cầu của tôi.

Tôi thừa nhận là tôi còn thiếu tiền mua gạch của ông P là 7.792.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn đồng) và có đang giữ của ông P 01 chiếc xe hiệu Vision mang biển kiểm soát số 68T1-42539 do bà Lê Thị Kim N đứng tên trên Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028651.

Tôi đồng ý trả cho ông P số tiền mua gạch còn thiếu là 7.792.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn đồng) và 01 chiếc xe hiệu Vision mang biển kiểm soát số 68T1-42539 do bà Lê Thị Kim N đứng tên trên Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028651. Nhưng ông P phải thay số gạch khác màu cho tôi và chịu toàn bộ tiền xi măng, tiền công thợ khi thay gạch cho tôi.

*** Tại bản tự khai đề ngày 02/12/2021, bà Lê Thị Kim N trình bày:**

Vào năm 2021, ông Phan Thanh Tcó đến cửa hàng vật liệu xây dựng Đức Minh 2 tại ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K để mua vật liệu xây dựng. Từ ngày 01/4/2021 đến ngày 14/5/2021, vợ chồng tôi đã chuyển giao vật liệu xây dựng theo các đơn hàng mà ông T mua với tổng số tiền là 49.619.000 đồng. Ông T có trả cho vợ chồng tôi được 41.827.000 đồng, còn nợ lại vợ chồng tôi số tiền mua vật liệu xây dựng (gạch) là 7.792.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn đồng).

Ngày 15/5/2021, ông T giữ chiếc xe hiệu Vision mang biển kiểm soát số 68T1-42539 do tôi đứng tên trên Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028651 và chìa khóa xe này.

Tôi yêu cầu ông Phan Thanh T phải hoàn trả cho vợ chồng tôi số tiền mua vật liệu xây dựng (gạch) còn nợ là 7.792.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn đồng) và phải giao trả cho vợ chồng tôi chiếc xe hiệu Vision mang biển kiểm soát số 68T1-42539 do tôi đứng tên trên Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028651 và chìa khóa xe này. Tôi yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức P. Tôi không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này.

* Tại phiên tòa, ông Trần Đức P yêu cầu ông Phan Thanh T phải hoàn trả cho ông P số tiền mua vật liệu xây dựng (gạch) còn nợ là 7.792.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn đồng) và yêu cầu ông T phải giao trả cho ông P chiếc xe hiệu Vision mang biển kiểm soát số 68T1-42539 do bà Lê Thị Kim N đứng tên trên Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028651 cùng chìa khóa của chiếc xe này.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Do phát sinh tranh chấp trong việc thanh toán số tiền mua bán vật liệu xây dựng và đòi chiếc xe hiệu Vision mang biển kiểm soát số 68T1-42539 nên ông Trần Đức P khởi kiện ông Phan Thanh T tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 15/11/2021. Ông Phan Thanh T có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải

quyết vụ án, ông Phan Thanh T không có yêu cầu phản tố, bà Lê Thị Kim N không có yêu cầu độc lập. Do đó, đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản, đòi tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo các quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 105, 430 và khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt bà Lê Thị Kim N, ông Phan Thanh T tại phiên toà: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-DS ngày 19/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-DS, ngày 16/6/2022 cho bà Lê Thị Kim N, ông Phan Thanh T theo quy định của pháp luật; bà Lê Thị Kim N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt (BL 27); ông Phan Thanh T vắng mặt tại phiên toà không có lý do chính đáng; đ- ợc sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và ông Trần Đức P, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Lê Thị Kim N, ông Phan Thanh T theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức P:

2.1. Về quyền khởi kiện của ông Trần Đức P:

Tuy chiếc xe mang nhãn hiệu Honda, số loại Vision mang biển số đăng ký 68T1-42539 do bà Lê Thị Kim N đứng tên trên Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028651 nhưng ông Phan Thanh T giữ chiếc xe này từ ông Trần Đức P; trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì bà N không có yêu cầu độc lập và yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức P nên ông Trần Đức P hoàn toàn có quyền khởi kiện đòi chiếc xe nêu trên.

2.2. Về yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức P:

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Phan Thanh T tự nguyện thừa nhận là ông Tâm có mua vật liệu xây dựng (gạch) của ông Trần Đức P và hiện nay ông T còn thiếu số tiền mua gạch của ông P là 7.792.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn đồng) và có đang giữ của ông P 01 chiếc xe mang nhãn hiệu Honda, số loại Vision mang biển số đăng ký 68T1-42539 do bà Lê Thị Kim N đứng tên trên Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028651; ông T đồng ý trả cho ông P số tiền mua gạch còn thiếu và chiếc xe nêu trên nhưng ông T yêu cầu ông Phúc phải thay số gạch khác màu cho ông T và chịu toàn bộ tiền xi măng, tiền công thợ khi thay gạch cho ông T.

Xét rằng: Tòa án đã nhiều lần thông báo cho ông Phan Thanh T nộp đơn yêu cầu phản tố và các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu phản tố của ông Phan Thanh T là có căn cứ theo quy định của pháp luật để Tòa án giải quyết cùng một lúc trong vụ án này, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T nhưng ông Phan Thanh T không hợp tác và không nộp cho Tòa án đơn yêu cầu phản tố và các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu phản tố của ông Phan Thanh T là có căn cứ để Tòa án xem xét. Do đó, nếu ông Phan Thanh T có tranh chấp với ông Trần Đức P về sau về việc ông P giao gạch khác màu cho ông Phan Thanh T gây thiệt hại cho ông T thì ông T có thể khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Còn đối với vụ án này, Tòa án chỉ xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức P và yêu cầu của ông P đã được ông Phan Thanh T tự nguyện thừa nhận, nên qua thảo luận và nghị án, Tòa án thống nhất buộc ông Phan Thanh T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trần Đức P số tiền mua gạch còn thiếu là 7.792.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn đồng) và 01 chiếc xe mang nhãn hiệu Honda, số loại Vision mang biển số đăng ký 68T1-42539 do bà Lê Thị Kim N đứng tên trên Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028651 theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang vào ngày 08/4/2022 (BL 78-80) và Chứng thư định giá số 102/2022/CT-ĐS-TVAP ngày 22/4/2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thẩm định giá Sao Việt (BL 81-87) cùng chìa khóa của chiếc xe này.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.3. Về số tiền định giá tài sản tranh chấp:

Ông Trần Đức P đã tạm ứng chi phí định giá là 3.240.000đ (Ba triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng)- BL 90. Tòa án buộc ông Phan Thanh T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông P chi phí này.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức P.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Tòa án buộc ông Phan Thanh T phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của tổng số tiền, tài sản phải hoàn trả cho ông Trần Đức P là: (7.792.000 đồng + 23.592.000 đồng) x 5% = 1.569.200đ (Một triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm đồng).

Ông Trần Đức P được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông Trần Đức P đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000849 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các khoản 1, 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 105, 430, 440 và khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều

26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Buộc ông Phan Thanh T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trần Đức P số tiền mua gạch còn thiếu là 7.792.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn đồng) và 01 chiếc xe mang nhãn hiệu Honda, số loại Vision mang biển số đăng ký 68T1-42539 do bà Lê Thị Kim N đứng tên trên Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028651 theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang vào ngày 08/4/2022 (BL 78-80) và Chứng thư định giá số 102/2022/CT-ĐS-TVAP ngày 22/4/2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thẩm định giá Sao Việt (BL 81-87) cùng chìa khóa của chiếc xe này.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2- Về số tiền định giá tài sản tranh chấp: Buộc ông Phan Thanh T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông P 3.240.000đ (Ba triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng).

3- Về án phí:

Buộc ông Phan Thanh T phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.569.200đ (Một triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm đồng).

Ông Trần Đức P được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông Trần Đức P đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000849 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4- Về quyền kháng cáo: Ông Trần Đức P có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (14/7/2022); bà Lê Thị Kim N, ông Phan Thanh T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc Bản án hoặc đ- ợc niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (khi án có hlpl);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

Hoàng Thị Thu H- ơng